

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẢO LỘC
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/2021/LĐ-ST

Ngày: 15/4/2021

V/v: Tranh chấp về đơn phương
chấm dứt hợp đồng lao động; về
bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế,
bảo hiểm thất nghiệp.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẢO LỘC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Qui.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Tư
2. Bà Nguyễn Thị Kim Huế

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Anh Đào – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Chung – Kiểm sát viên

Hôm nay, ngày 15 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 16/2020/TLST-DS ngày 06 tháng 3 năm 2020, về tranh chấp về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động, về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2021/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 03 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Trần Diễm Thảo V**, sinh năm 1989

Địa chỉ: Đường P, phường T, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng. (có mặt)

Bị đơn: Công ty TNHH A

Trụ sở số 905A đường P, phường B, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Đ – Chức vụ: Giám đốc

Người đại diện hợp pháp: Bà Huỳnh Thị Ngọc H, sinh năm 1971

Địa chỉ: Đường X, phường N, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ghi ngày 03/9/2020).

Địa chỉ liên lạc: đường P, phường B, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng. (có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bảo hiểm xã hội thành phố Bảo Lộc;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đinh Tiến V. Chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: Đường H, phường N, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng. (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Tại đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Diễm Thảo V trình bày:

Từ tháng 4 năm 2016 đến năm 2017 bà có ký hợp đồng lao động xác định thời hạn với Công ty TNHH A (sau đây gọi tắt là Công ty A) công việc là Nhân viên lễ tân, đến ngày 01/01/2018 bà ký hợp đồng lao động, không xác định thời hạn với Công ty A, theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn số 02/2018/HDLĐ công việc nhân viên lễ tân, thời giờ làm việc là 48 giờ/tuần, với mức lương chính là 3.778.000đ, các chế độ khác theo quy chế của Công ty A, cùng ngày bà và Công ty A ký Phụ lục hợp đồng lao động có nội dung, phụ cấp hàng tháng: cơm trưa 720.000 đồng, xăng xe: 300.000 đồng; điện thoại: 100.000 đồng; bồi dưỡng ca đêm: 30.000đ/đêm; tăng ca: 18.000đ/h.

Trong quá trình làm việc ngày 01/01/2019 Công ty A đã ban hành Biên bản vi phạm kỷ luật và Quyết định về việc cho thôi việc đối với cán bộ nhân viên, không có số, ngày tháng năm ra quyết định; nội dung cho bà Trần Diễm Thảo V nghỉ việc kể từ ngày 31/12/2018. Không đồng ý với Biên bản vi phạm kỷ luật và Quyết định cho thôi việc đối với cán bộ nhân viên bà V đã làm đơn khiếu nại yêu cầu Công ty A bồi thường. Sau khi bà khiếu nại nhiều lần thì ngày 17/5/2019 Công ty A đã ra Quyết định số 02/2019/QĐ ngày 17/5/2019 về việc thu hồi quyết định cho thôi việc đối với bà Trần Diễm Thảo V và Thông báo số 01/2019/TB ngày 17/5/2019 có nội dung: Thu hồi quyết định cho thôi việc được ký bởi ông Huỳnh Đô giám đốc Công ty A, ký ngày 31/12/2018 đối với bà Trần Diễm Thảo V kể từ ngày 17/5/2019; Bà Trần Diễm Thảo V quay trở lại làm việc tại vị trí Lễ Tân khách sạn kể từ ngày 20/5/2019; Bà Trần Diễm Thảo V được nhận các khoản tiền lương trong thời gian không làm việc từ ngày 01/01/2019 đến hết ngày 19/5/2019) và nhận thêm 02 tháng tiền lương theo Hợp đồng lao động, việc thanh toán tiền lương được thực hiện trong vòng 03 ngày kể từ ngày bà Trần Diễm Thảo V quay trở lại làm việc; Công ty A thực hiện nộp bổ sung Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế và Bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của Pháp luật cho bà Trần Diễm Thảo V.

Ngày 19/5/2019 bà làm đơn xin nghỉ phép gửi Công ty A xin nghỉ ốm và nghỉ phép năm 2019 thời gian nghỉ từ ngày 20/5/2019 đến ngày 31/5/2019.

Ngày 20/5/2019 bà gửi đơn đề nghị đến Công ty A yêu cầu giải quyết đơn khiếu nại của bà vì đã quá thời hạn giải quyết đơn khiếu nại nhưng Công ty A chưa có quyết định thụ lý và giải quyết khiếu nại mà đã ban hành Quyết định số 02/2019/QĐ ngày 17/5/2019 về việc thu hồi quyết định cho thôi việc đối với bà Trần Diễm Thảo V và Thông báo số 01/2019/TB ngày 17/5/2019 là không đúng, bà đề nghị Công ty A phải giải quyết đơn khiếu nại của bà nhưng đến nay chưa được giải quyết.

Ngày 22/05/2019 bà gửi đơn đến Công ty A thông báo không muốn tiếp tục làm việc.

Sau đó bà tiếp tục khiếu nại yêu cầu Công ty A phải giải quyết khiếu nại cho bà nhưng Công ty A không giải quyết theo đúng quy định về việc giải quyết khiếu nại nên bà khiếu nại lên Sở lao động và thương binh xã hội tỉnh Lâm Đồng. Ngày 22/01/2020 Thanh tra sở lao động ban hành Quyết định số 07/QĐ-Ttra ngày 22/01/2020 về việc giải quyết khiếu nại bà Trần Diễm Thảo V (lần 2).

Không đồng ý với việc bồi thường của Công ty A theo thông báo số 01/2019/TB ngày 17/5/2019, bà khởi kiện yêu cầu Công ty A bồi thường cho bà các khoản tiền sau:

- Tiền lương 10 tháng từ ngày 01/01/2019 đến ngày 01/11/2019 là 10 tháng x 4.898.000 đồng = 48.980.000 đồng.

- Tiền lương 2 tháng theo khoản 1, điều 42 Bộ Luật lao động do chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật: 2 tháng x 4.898.000 đồng = 9.796.000 đồng.

- Tiền bồi thường vi phạm quy định về thời gian không báo trước 45 ngày: 7.347.000 đồng.

- Tiền lương tháng 13 và tiền % doanh thu Công ty A năm 2018 là: 4.898.000 đồng + 6.000.000 đồng (tiền doanh thu năm 2018) 10.898.000 đồng.

- Tiền lương đi làm 1 ngày (01/01/2019) là 400% lương x 188,384 đồng/ngày = 753.000 đồng.

- Tiền nghỉ phép năm từ tháng 4/2016 đến tháng 12/2018 là 33 ngày: (4.898.000đ : 26 ngày) = 188.384đồng x 33 ngày = 6.216.600đ

- Đề nghị điều chỉnh và bổ sung mức đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp từ ngày 01/1/2018 đến ngày 01/01/2019 số tiền Công ty A đóng bảo hiểm là 3.778.000 đồng nhưng theo hợp đồng lao động tiền lương là 4.898.000 đồng, số tiền Công ty A đóng thiếu là 246.330đồng/tháng x 12 tháng = 2.956.000 đồng.

- Tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế từ ngày 01/01/2019 đến ngày 01/11/2019 là 4.898.000 đồng x 22% = 1.077.560 đồng x 10 tháng = 10.776.000 đồng. Vào ngày 12/3/2021 Công ty A chỉ đóng Bảo hiểm cho bà tháng 01/2019 đến tháng 5/2019 trên mức lương 3.970.000đ nên bà vẫn giữ nguyên yêu cầu này.

Tổng cộng bà yêu cầu Công ty A trả số tiền là 97.722.600 đồng.

Đối với yêu cầu khởi kiện phản tố của bị đơn yêu cầu bồi thường số tiền 7.556.000 đồng thì bà không đồng ý vì Công ty A chưa giải quyết đơn khiếu nại theo quy định Điều 42 Bộ luật Lao động, Điều 22, 23, 24 Nghị định số 24/2018/NĐ-CP ngày 27/2/2018.

Tại đơn phản tố của bị đơn, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện ủy quyền của bị đơn bà Huỳnh Thị Ngọc H trình bày:

Đại diện bị đơn thống nhất với nội dung trình bày của phía nguyên đơn về việc ký kết hợp đồng lao động, nội dung hợp đồng và quá trình thực hiện hợp đồng, việc ban hành Biên bản vi phạm kỷ luật và Quyết định cho thôi việc đối với cán bộ nhân viên, nội dung cho bà Trần Diễm Thảo V nghỉ việc kể từ ngày 31/12/2018.

Sau khi bà V nghỉ việc đã nhiều lần bà V có đơn khiếu nại đến Công ty A, sau khi xem xét quy trình về việc cho bà V thôi việc, Công ty A nhận thấy đã ra Quyết định buộc thôi việc đối với bà V là không đúng nên ngày 17/5/2019 Công ty A ra quyết định số 02/2019/QĐ thu hồi quyết định thôi việc và ra thông báo số 01/2019 ngày 17/5/2019 về việc mời bà V đi làm lại từ ngày 20/5/2019 thông báo cho bà V đến nhận các khoản bồi thường như bà V trình bày nhưng bà V không đến nhận và vẫn tiếp tục gửi đơn khiếu nại lên sở Lao động thương binh xã hội. Đến ngày 22/01/2020 Thanh tra sở lao động ra quyết định số 07/QĐ-TTr về việc yêu cầu Công ty A và bà V thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quyết định này

nhưng bà V không thực hiện theo đúng quyết định mà tiếp tục khởi kiện ra Tòa án. Trong quá trình làm việc cho đến khi bà V thôi việc Công ty A đã thực hiện việc đóng bảo hiểm đầy đủ và đóng đến hết ngày 31/12/2018, hiện nay Công ty A đã trả tờ chốt sổ cho bà V vào tháng 8/2020.

Nay Công ty A đồng ý trả cho bà V các khoản bồi thường sau:

Tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp từ ngày 01/01/2019 đến 30/05/2019) là 5 tháng = $3.778.000 \times 5 \text{ tháng} \times 21,5\%$ (trong đó 17,5% bảo hiểm xã hội; 3% bảo hiểm y tế; 1% bảo hiểm thất nghiệp) = 4.062.000 đồng, vào ngày 12/3/2021 phía công ty A đã thực hiện đóng Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp của bà Trần Diễm Thảo V với số tiền là 6.352.000đ, trong đó số tiền Công ty A phải đóng là 4.267.750đ và số tiền bà V phải đóng là 2.084.250đồng nên Công ty A yêu cầu bà V phải trả cho Công ty A số tiền 2.084.250đồng.

Đối với yêu cầu tiền lương 10 tháng từ ngày 01/1/2019 đến ngày 01/11/2019 và tiền lương đi làm 1 ngày 400% lương x 188.000 đồng = 753.000 đồng thì Công ty A đồng ý trả và đã làm tròn trong khoản tiền này như sau: $4.898.000 \text{ đồng} \times 10 \text{ tháng} = 48.980.000 \text{ đồng}$ thì Công ty A chỉ đồng ý bồi thường 5 tháng tiền lương từ ngày 1/1/2019 đến ngày 20/5/2019 (tính tròn 5 tháng) số tiền $3.778.000 \text{ đồng} \times 5 \text{ tháng} = 18.890.000 \text{ đồng}$.

Đối với yêu cầu tiền lương 2 tháng theo khoản 1, điều 42 Luật lao động 2 tháng do chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật số tiền $4.898.000 \text{ đồng} \times 2 \text{ tháng} = 9.796.000 \text{ đồng}$ thì Công ty A đồng ý thanh toán 2 tháng x 3.778.000 đồng (lương cơ bản không tính phụ cấp) = 7.556.000 đồng.

Đối với yêu cầu tiền bồi thường vi phạm quy định không báo trước 45 ngày số tiền: 7.347.000 đồng thì Công ty A không đồng ý vì đã thu hồi quyết định cho thôi việc nhưng do bà V không đi làm lại nên Công ty A không vi phạm.

Đối với yêu cầu thanh toán tiền lương tháng 13 năm 2018 là: 10.898.000 đồng thì Công ty A không đồng ý vì năm 2018 doanh thu công ty không đạt.

Đối với yêu cầu điều chỉnh và bổ sung mức đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp từ ngày 01/1/2018 đến tháng 01/01/2019 tiền chênh lệch số tiền 2.956.000 đồng thì Công ty A không đồng ý vì Công ty A đóng các chế độ bảo hiểm cho bà V theo mức lương 3.778.000 đồng theo đúng quy định pháp luật.

Đối với yêu cầu tiền nghỉ phép năm từ tháng 4/2016 đến tháng 12/2018 là 33 ngày: $(4.898.000đ : 26 \text{ ngày}) = 188.384đ \times 33 \text{ ngày} = 6.216.600 \text{ đồng}$ thì phía công ty không đồng ý, theo quy định tại Điều 13.2 quy chế trả lương thưởng của công ty quy định trong trường hợp người lao động có đơn đề nghị công ty xin nghỉ phép năm nhưng công ty từ chối yêu cầu xin nghỉ phép thì công ty mới thanh toán số tiền này, trong quá trình làm việc bà V không có yêu cầu nghỉ phép nên công ty A không chấp nhận.

Ngày 17/5/2019 sau khi Công ty A ban hành Quyết định thu hồi quyết định cho thôi việc đối với bà V và mời bà V trở lại Công ty A làm việc vào ngày 20/5/2020, ngày 19/5/2019 bà V đã đồng ý đi làm việc lại bằng việc gửi đơn xin nghỉ phép với lý do nghỉ ốm và nghỉ phép năm 2019, thời gian nghỉ từ ngày 20/5/2019 đến ngày 31/5/2019, đến ngày 22/5/2019 bà V thông báo không muốn tiếp tục làm việc và đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động cho đến nay.

Do bà V đã vi phạm thời hạn báo trước ở khoản 1, 2 Điều 43 Bộ luật Lao động năm 2012 nên Công ty A khởi kiện phản tố yêu cầu bà V bồi thường trả cho Công ty A là 02 tháng tiền lương: $2 \text{ tháng} \times 3.778.000 \text{ đồng} = 7.556.000 \text{ đồng}$.

Nay Công ty A chỉ đồng ý thanh toán cho bà V các khoản tiền gồm $18.890.000 \text{ đồng} + 7.556.000 \text{ đồng} = 26.446.000 \text{ đồng}$. Yêu cầu bà V trả cho Công ty số tiền Công ty ứng đóng Bảo hiểm cho bà V từ tháng 01/2019 đến tháng 5/2019 là 2.084.250 đồng.

Như vậy, bà V có trách nhiệm trả cho Công ty A số tiền bồi thường do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động là 7.556.000đ và tiền Công ty A đã ứng đóng Bảo hiểm cho bà V là 2.084.250, tổng cộng là 9.640.250 đồng. Số tiền Công ty A khởi kiện phản tố này xin được cản trừ qua số tiền mà Công ty A phải trả cho bà V $26.446.000 \text{ đồng} - 9.640.250 \text{ đồng} = 16.805.750 \text{ đồng}$.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đại diện theo pháp luật của Bảo hiểm xã hội thành phố Bảo Lộc, ông Đinh Tiến Văn trình bày: Theo hợp đồng lao động số 02/2018/HĐLĐ ngày 01/01/2018 và phụ lục hợp đồng lao động số 02/2018 thì việc Công ty TNHH A đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp cho bà Trần Diễm Thảo V với mức đóng 3.788.000đ là đúng quy định của pháp luật. Ngày 12/3/2021 Cơ quan Bảo hiểm đã thực hiện truy thu Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp của bà Trần Diễm Thảo V với số tiền là 6.352.000đ, trong đó số tiền Công ty A phải đóng là 4.267.750đ và số tiền bà V phải đóng là 2.084.250 đồng. Về việc chốt sổ Bảo hiểm xã hội bà V liên hệ với Cơ quan Bảo hiểm xã hội để được giải quyết.

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu bị đơn Công ty A trả số tiền là 97.722.600 đồng.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn chỉ đồng ý một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và giữ nguyên yêu cầu phản tố.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty A có trách nhiệm trả cho bà Trần Diễm Thảo V số tiền là 41.633.000đ.

Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn, buộc bà Trần Diễm Thảo V có trách nhiệm trả cho Công ty A số tiền 7.556.000đ và 2.084.250 đồng tiền Công ty A đã đóng Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp đã tạm ứng đóng cho bà V. Về án phí: Buộc Công ty A phải chịu 1.249.000đ và bà Trần Diễm Thảo V phải chịu 300.000đ án phí lao động sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn là bà Trần Diễm Thảo V có ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn với Công ty TNHH A, trụ sở 905A đường P, phường B, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Công ty A bồi thường do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật, điều chỉnh mức đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bị đơn khởi kiện phản tố yêu cầu nguyên đơn bồi thường do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động. Do vậy, xác định đây là tranh chấp về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động, về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo khoản 1 Điều 32 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về pháp luật nội dung: Nguyên đơn bà Trần Diễm Thảo V và Công ty A ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn năm 2018 nên áp dụng Bộ Luật lao động 2012, Bộ luật Dân sự 2015 và các văn bản hướng dẫn để giải quyết vụ án.

[3]. Xét về tính hợp pháp và loại hợp đồng mà các bên đã ký kết:

Giữa bà Trần Diễm Thảo V và Công ty A do ông Huỳnh Đ là người đại diện theo pháp luật thì từ tháng 4/2016 đến tháng 12/2017 hai bên có ký kết hợp đồng lao động có xác định thời hạn. Đến ngày 01/01/2018 thì hai bên ký kết hợp đồng lao động không xác định thời hạn, công việc nhân viên lễ tân, thời giờ làm việc là 48 giờ/tuần, với mức lương chính là 3.778.000đ, các chế độ khác theo quy chế của Công ty A và ký Phụ lục hợp đồng lao động có nội dung, phụ cấp hàng tháng: cơm trưa 720.000 đồng, xăng xe: 300.000 đồng; điện thoại: 100.000 đồng; bồi dưỡng ca đêm: 30.000đ/đêm; tăng ca: 18.000đ/h, việc giao kết hợp đồng lao động giữa nguyên đơn và bị đơn thực hiện đúng theo quy định tại Điều 22 Bộ luật lao động và khoản 11 Điều 4 Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính Phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật Lao động.

Quá trình thực hiện hợp đồng lao động, nguyên đơn không vi phạm quy định tại Điều 38 Bộ luật lao động nhưng vào ngày 31/12/2018 Công ty A đã ra quyết định buộc thôi việc đối với bà Trần Diễm Thảo V, sau đó bà V làm đơn khiếu nại do nhận thấy việc ra quyết định buộc thôi việc là không đúng nên ngày 17/5/2019 Công ty A ban hành Quyết định số 02/2019/QĐ ngày 17/5/2019 về việc thu hồi quyết định cho thôi việc đối với bà Trần Diễm Thảo V và Thông báo số 01/2019/TB ngày 17/5/2019 có nội dung: Thu hồi quyết định cho thôi việc được ký bởi ông Huỳnh Đ giám đốc Công ty A, ký ngày 31/12/2018 đối với bà Trần Diễm Thảo V kể từ ngày 17/5/2019; Bà Trần Diễm Thảo V quay trở lại làm việc tại vị trí Lễ Tân khách sạn kể từ ngày 20/5/2019; Bà Trần Diễm Thảo V được nhận các khoản tiền lương trong thời gian không làm việc từ ngày 01/01/2019 đến hết ngày 19/5/2019) và nhận thêm 02 tháng tiền lương theo Hợp đồng lao động, việc thanh toán tiền lương được thực hiện trong vòng 03 ngày kể từ ngày bà Trần Diễm Thảo V quay trở lại làm việc; Công ty A thực hiện nộp bổ sung Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế và Bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của Pháp luật cho bà Trần Diễm Thảo V, không đồng ý với việc này bà V cho rằng phải được giải quyết theo trình tự của khiếu nại nên không đến Công ty A làm việc mà tiếp tục khiếu

nại yêu cầu Công ty A phải ra Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu, xét việc Công ty A giải quyết khiếu nại của bà V không theo đúng trình tự thủ tục quy định của Luật Khiếu nại, tố cáo và đã được Chánh thanh tra sở lao động thương binh và xã hội tỉnh Lâm Đồng giải quyết khiếu nại lần 2 tại Quyết định số 07/QĐ-Ttra ngày 22/01/2020 về việc giải quyết khiếu nại bà Trần Diễm Thảo V nên việc bà tiếp tục yêu cầu Công ty A giải quyết khiếu nại lần đầu cho bà là không có cơ sở vì việc khiếu nại đã được giải quyết.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của hai bên:

[4.1] Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Trần Diễm Thảo V:

Việc Công ty A đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với bà V do Công ty A đã thu hồi Quyết định buộc thôi việc và nhận bà V trở lại làm việc. Xét mức lương tháng bà V yêu cầu tính theo hợp đồng lao động 3.778.000đ và các khoản phụ cấp cơm trưa 720.000 đồng, xăng xe: 300.000 đồng; điện thoại: 100.000 đồng theo phụ lục hợp đồng là 4.898.000đ/tháng là phù hợp với quy định tại Điều 4, Điều 21 Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính Phủ nên xem xét các khoản yêu cầu bồi thường của bà V như sau:

- Đối với yêu cầu tiền lương 10 tháng từ ngày 01/01/2019 đến ngày 01/11/2019 là 10 tháng x 4.898.000 đồng = 48.980.000 đồng và tiền lương đi làm ngày 01/01/2019 là 400%, xét vào ngày 17/5/2019 Công ty A đã ra Quyết định thu hồi quyết định cho thôi việc và nhận bà V trở lại làm việc từ ngày 20/5/2019, phía Công ty A đồng ý trả cho bà V tròn 05 tháng lương bao gồm ngày nghỉ lễ là phù hợp nên chấp nhận là 05 tháng x 4.898.000 đồng = **24.490.000đ**.

- Tiền lương 2 tháng theo khoản 1 Điều 42 Bộ luật Lao động do chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật: 2 tháng x 4.898.000 đồng = **9.796.000 đồng**.

- Tiền bồi thường vi phạm quy định về thời gian không báo trước 45 ngày theo khoản 5 Điều 42 Bộ luật Lao động, bà V yêu cầu **7.347.000** đồng là phù hợp.

- Đối với yêu cầu điều chỉnh và bổ sung mức đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp từ ngày 01/1/2018 đến tháng 01/01/2019, số tiền Công ty A đã đóng bảo hiểm cho bà trên mức lương là 3.778.000 đồng, bà V yêu cầu đóng bảo hiểm trên mức tiền lương là 4.898.000 đồng (bao gồm tiền ăn trưa, điện thoại, xăng xe), Công ty đã đóng thiếu là 246.333 đồng/tháng x 12 tháng = 2.956.000 đồng. Qua ý kiến Bảo hiểm xã hội thì từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2018 phía Công ty A đã đóng Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cho bà V theo mức lương 3.778.000 đồng là phù hợp. Theo quy định tại Điều 2.3 Khoản 2 Điều 6 Quy trình thu bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 595/QĐ-BHXH ngày 14/4/2017 của Tổng giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam thì các khoản tiền ăn trưa, điện thoại, xăng xe không tính đóng Bảo hiểm xã hội nên không chấp nhận yêu cầu này của bà V.

- Đối với yêu cầu tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp từ ngày 01/01/2019 đến ngày 01/11/2019 là 4.898.000 đồng x 22% = 1.077.560 đồng x 10 tháng = 10.776.000 đồng, xét vào ngày 17/5/2019 Công ty A đã ra Quyết định thu hồi quyết định cho thôi việc và nhận bà V trở lại làm việc từ ngày 20/5/2019, xét phía Công ty A đồng ý đóng bảo hiểm cho bà V từ ngày 01/01/2019 đến 30/05/2019) là 5 tháng: mức lương 3.778.000đ/tháng. Ngày 12/3/2021 Công ty A đã đóng Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất

nghiệp của bà Trần Diễm Thảo V với số tiền là 6.352.000đ, trong đó số tiền Công ty A phải đóng là 4.267.750đ và số tiền bà V phải đóng là 2.084.250đồng, do phía Công ty A đã đóng Bảo hiểm cho bà V đúng quy định nên không chấp nhận yêu cầu này của bà V. Bà V liên hệ với Bảo hiểm xã hội thành phố Bảo Lộc để xác nhận thời gian tham gia bảo hiểm từ tháng 1/2019 đến tháng 5/2019.

Đối với số tiền bà V phải đóng Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 1/2019 đến tháng 5/2019 mà Công ty A đã đóng cho bà V, buộc bà V có trách nhiệm trả cho Công ty A số tiền **2.084.250đồng**

Đối với yêu cầu tiền lương tháng 13 và tiền % doanh thu Công ty A năm 2018 là: 4.898.000 đồng + 6.000.000 đồng (tiền doanh thu năm 2018) tổng cộng là 10.898.000 đồng, bị đơn không đồng ý, qua xác minh tại Chi cục thuế thành phố Bảo Lộc thì lợi nhuận của Công ty A cuối năm 2018 là 36.842.791 đồng, theo chứng cứ bị đơn cung cấp báo cáo tình hình hoạt động năm 2018 doanh thu năm 2018 chỉ đạt 3,4% so với kế hoạch và theo báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 và phương hướng nhiệm vụ năm 2018 của Công ty A thì không đạt được kế hoạch hoạch định nên Công ty A năm 2018 không thưởng lương tháng 13. Phía nguyên đơn cung cấp chứng cứ là đĩa CD ghi âm và bản giải trình chứng cứ về nội dung ghi âm, Tòa án đã tiến hành cho các bên đương sự nghe nội dung, phía bị đơn cũng xác nhận giọng nói trong đoạn ghi âm là của bà V và luật sư đại diện cho Công ty A để thỏa thuận việc chấm dứt hợp đồng chứ không có nội dung nào nói đến doanh thu và lương tháng 13 của bà V, phía nguyên đơn cũng thừa nhận nội dung ghi âm giữa bà và luật sư đại diện cho công ty không nói rõ số tiền thưởng và doanh thu bao nhiêu, cũng không có nội dung nào thể hiện việc công ty A có doanh thu và có lương tháng 13 nên yêu cầu của bà V về tiền lương tháng 13 và doanh thu không có cơ sở chấp nhận.

Đối với yêu cầu tiền nghỉ phép năm từ tháng 4/2016 đến tháng 12/2018 là 33 ngày: $(4.898.000đ : 26 \text{ ngày}) = 188.384đ \times 33 \text{ ngày} = 6.216.600đ$. Theo quy định tại Điều 111 Bộ luật Lao động thì người lao động có đủ 12 tháng làm việc cho một người sử dụng lao động thì được nghỉ hàng năm, hưởng nguyên lương, người lao động có thể thỏa thuận với người sử dụng lao động gộp 03 năm 01 lần. Tại Điều 13.2 Quy chế trả lương thưởng của Công ty A quy định: Trong trường hợp do yêu cầu của người sử dụng lao động và được sự thỏa thuận của người lao động, người lao động không được nghỉ phép năm theo tiêu chuẩn Bộ luật lao động, được hưởng thêm suất lương bằng tiền lương của 01 ngày nhân số ngày không nghỉ phép. Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận hai bên không thỏa thuận việc gộp ngày nghỉ 03 năm 01 lần, Công ty A trình bày trong quá trình làm việc bà V không hề có đơn xin nghỉ phép và Công ty A cũng không yêu cầu bà V không nghỉ phép năm, bà V cũng không có chứng cứ chứng minh việc Công ty yêu cầu bà không nghỉ phép nên yêu cầu thanh toán tiền nghỉ phép năm tương ứng số ngày chưa nghỉ phép là không có căn cứ chấp nhận.

Từ những phân tích trên, buộc Công ty A bồi thường cho bà Trần Diễm Thảo V số tiền là **41.633.000đ (Bốn mươi một triệu sáu trăm ba mươi ba nghìn đồng)**.

[4.2] Đối với yêu cầu khởi kiện phản tố của Công ty A:

Vào ngày 17/5/2019 Công ty A đã thu hồi Quyết định buộc thôi việc và thông báo bà V trở lại làm việc vào ngày 20/5/2019; Ngày 19/5/2019 bà V làm đơn xin nghỉ phép gửi Công ty A xin nghỉ ốm và nghỉ phép năm 2019 thời gian nghỉ từ ngày 20/5/2019 đến ngày 31/5/2019 như vậy tại thời điểm này Hợp đồng lao động không xác định thời hạn số 02/2018/HĐLĐ ngày 01/01/2018 đang có hiệu lực. Đến ngày 22/05/2019 bà V gửi văn bản đến Công ty A thông báo không muốn tiếp tục làm việc và nghỉ việc từ đó đến nay, theo quy định tại Điều 37 Bộ luật Lao động thì bà V đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động và vi phạm thời hạn báo trước quy định tại khoản 3 Điều 37 Bộ luật lao động. Do bà V đơn phương chấm dứt hợp đồng trái pháp luật nên không được trợ cấp thôi việc và phải bồi thường cho Công ty A, theo yêu cầu phản tố của Công ty A yêu cầu bà V bồi thường 02 tháng tiền lương: 2 tháng x 3.778.000 đồng = 7.556.000 đồng là có căn cứ nên chấp nhận.

Từ những phân tích trên, buộc bà Trần Diễm Thảo V bồi thường cho Công ty A số tiền là 7.556.000 đồng và số tiền Công ty A đã tạm ứng đóng Bảo hiểm cho bà V là 2.084.250 đồng, tổng cộng là **9.640.250 đồng (chín triệu sáu trăm bốn mươi nghìn hai trăm năm mươi đồng)**

[5]. Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[6] Từ những phân tích trên, đã có đủ cơ sở kết luận: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Diễm Thảo V về việc: “Tranh chấp về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động, về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp” đối với Công ty TNHH A; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện phản tố của Công ty TNHH A về việc: “Tranh chấp về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động” đối với bà Trần Diễm Thảo V.

[7]. Về án phí: Buộc Công ty TNHH A phải chịu án phí lao động sơ thẩm là $41.633.000đ \times 3\% = 1.249.000đ$ và Trần Diễm Thảo V phải chịu án phí lao động sơ thẩm đối với yêu cầu phản tố của bị đơn được chấp nhận là 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 36, 37, 40, 41, 42 và Điều 43 Bộ luật Lao động năm 2012;
- Căn cứ Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính Phủ;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Diễm Thảo V về việc: “Tranh chấp về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động, về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp” đối với Công ty TNHH A.

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn A có trách nhiệm bồi thường cho bà Trần Diễm Thảo V số tiền là 41.633.000đ (Bốn mươi một triệu sáu trăm ba mươi ba nghìn đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện phản tố của Công ty TNHH A về việc: *“Tranh chấp về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động”* đối với bà Trần Diễm Thảo V.

Buộc bà Trần Diễm Thảo V có trách nhiệm bồi thường cho Công ty TNHH A số tiền là 9.640.250đồng (chín triệu sáu trăm bốn mươi nghìn hai trăm năm mươi đồng).

Bà V liên hệ với Bảo hiểm xã hội thành phố Bảo Lộc để xác nhận thời gian tham gia bảo hiểm từ tháng 1/2019 đến tháng 5/2019.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được qui định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí:

- Buộc Công ty TNHH A phải chịu án phí lao động sơ thẩm là 1.249.000đ được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số AA/2016/00018435 ngày 06/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bảo Lộc. Công ty TNHH A còn phải nộp 949.000đ (chín trăm bốn mươi chín nghìn đồng)

- Buộc bà Trần Diễm Thảo V phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí lao động sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- + Các đương sự;
- + VKSND TP. Bảo Lộc;
- + T.H.A Bảo Lộc;
- + TAND tỉnh Lâm Đồng;
- + Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Qui